

# **PHÂN TÍCH LỢI NHUẬN CỦA CÁC TÁC NHÂN TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN XUẤT GỖ RỪNG TRỒNG ĐẮK LẮK**

● **PHẠM VĂN TRƯỜNG - TUYẾT HOA NIÊ KDĂM - NGUYỄN TRUNG VƯƠNG**

## **TÓM TẮT:**

Nghiên cứu này nhằm phân tích lợi nhuận của các tác nhân tham gia chuỗi giá trị gỗ rừng trồng tỉnh Đắk Lắk. Kết quả phân tích giá trị gia tăng và giá trị gia tăng thuần của các tác nhân cho thấy lợi nhuận giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị gỗ là không công bằng. Số liệu so sánh giữa các tác nhân được phân tích trên đầu tấn gỗ tươi đã bóc vỏ, lợi nhuận biên/tổng chi phí của người trồng rừng cao hơn so với các tác nhân khác, tuy nhiên họ phải bỏ chi phí ra sau 4 năm mới được thu lại. Do đặc thù địa hình các vùng trồng rừng có độ dốc cao lại chưa được quy hoạch giao thông đi lại khai thác, do đó bắt buộc phải có khâu trung gian đảm nhận việc thu gom khai thác, sơ chế và vận chuyển. Để phát triển bền vững chuỗi giá trị gỗ rừng trồng tỉnh Đắk Lắk, nhóm tác giả nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị đối với các tác nhân tham gia trực tiếp vào chuỗi giá trị và tác nhân hỗ trợ chuỗi.

**Từ khóa:** chuỗi giá trị gỗ rừng trồng, chi phí trung gian, lợi nhuận biên/tổng chi phí, tỉnh Đắk Lắk.

## **1. Đặt vấn đề**

Đắk Lắk là một trong năm tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên, cũng là một trong các tỉnh được đánh giá là có tiềm năng phát triển rừng trồng làm nguyên liệu chế biến gỗ. Đắk Lắk hiện có khoảng gần 520.000 ha rừng tự nhiên và rừng trồng. Năm 2021, ngoài việc bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có, tỉnh Đắk Lắk đặt mục tiêu trồng mới thêm 1.817 ha; khoanh nuôi tái sinh chuyển tiếp khoảng 2.000 ha, trồng thêm gần 1 triệu cây phân tán. Diện tích rừng trồng (đã thành rừng) của toàn tỉnh là 70.829 ha, sản phẩm gỗ rừng trồng được khai thác hàng trăm nghìn m<sup>3</sup>

gỗ/năm. Đây là một tiềm năng rất lớn cần được quản lý tốt nhằm phát triển rừng bền vững gắn với giảm nghèo (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đắk Lắk, 2020). Trong thời gian tới, địa phương tiếp tục quy hoạch, duy trì vùng sản xuất ở phía Đông và Đông Nam; gắn sản xuất với chế biến tạo thành chuỗi giá trị cho sản phẩm, nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh tế rừng trồng. Nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã có những mô hình liên kết trồng và khai thác sản phẩm gỗ rừng trồng hiệu quả. Việc liên kết trồng rừng này có cơ chế phối hợp là doanh nghiệp đầu tư vốn, kỹ thuật cho người trồng,

chăm sóc và bảo vệ. Trong 3 năm đầu, mỗi năm, các hộ gia đình được Công ty hỗ trợ 2 triệu đồng cho 1 ha. Sau khi bán sản phẩm, người dân được hưởng 90%, Công ty hưởng 5% và 5% được chi trả cho địa phương quản lý.

Rừng trồng trên địa bàn tỉnh được quản lý bởi nhiều chủ rừng khác nhau, bao gồm tổ chức, nhóm hộ, cộng đồng và hộ gia đình, tuy nhiên phần lớn diện tích rừng trồng được quản lý bởi hộ gia đình và các công ty lâm nghiệp. Các diện tích rừng trồng của hộ gia đình thường có quy mô nhỏ, mang tính tự phát và chu kỳ trồng ngắn, do đó thiếu tính ổn định và có hiệu quả thấp. Bên cạnh đó, thực tế hiện nay tại tỉnh Đắk Lắk, việc phát triển nguồn nguyên liệu cho sản xuất gỗ vẫn chưa có chứng chỉ rừng và thiếu liên kết (liên kết ngang và liên kết dọc) trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Đặc biệt, việc tiếp cận với Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam-EU, Hiệp định Đối tác tự nguyện về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu, cùng Luật Lâm nghiệp mới sẽ có hiệu lực trong thời gian tới nhằm tạo ra những thay đổi căn bản trong toàn bộ chuỗi cung ứng từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm gỗ, giúp doanh nghiệp xây dựng kế hoạch sản xuất - kinh doanh lâu dài và ổn định. Muốn phát triển lâm nghiệp bền vững trong những năm tới, rừng Đắk Lắk nói chung và rừng trồng nói riêng phải có chứng nhận quản lý rừng bền vững

(FSC) do tổ chức quốc tế cấp, doanh nghiệp muốn thu mua gỗ nước ngoài về sản xuất cũng phải truy xuất nguồn gốc rõ ràng...

Nghiên cứu này nhằm phân tích lợi nhuận của các tác nhân tham gia chuỗi giá trị gỗ rừng trồng tỉnh Đắk Lắk. Để phát triển bền vững chuỗi giá trị gỗ rừng trồng tỉnh Đắk Lắk, các tác giả đề xuất một số khuyến nghị đối với các tác nhân tham gia trực tiếp vào chuỗi giá trị và tác nhân hỗ trợ chuỗi.

## 2. Lý luận về chuỗi giá trị và phân tích kinh tế chuỗi giá trị

### 2.1. Khái niệm chuỗi giá trị

Theo Kaplinsky và Morris (2001), chuỗi giá trị nói đến là cả loạt các hoạt động cần thiết để chế biến một sản phẩm (hoặc một dịch vụ) thông qua các giai đoạn sản xuất khác nhau, đến khi phân phối tới người tiêu dùng cuối cùng và vứt bỏ sau khi đã sử dụng. Một chuỗi giá trị tồn tại khi tất cả những người tham gia trong chuỗi hoạt động để tạo ra giá trị tối đa trong toàn chuỗi.

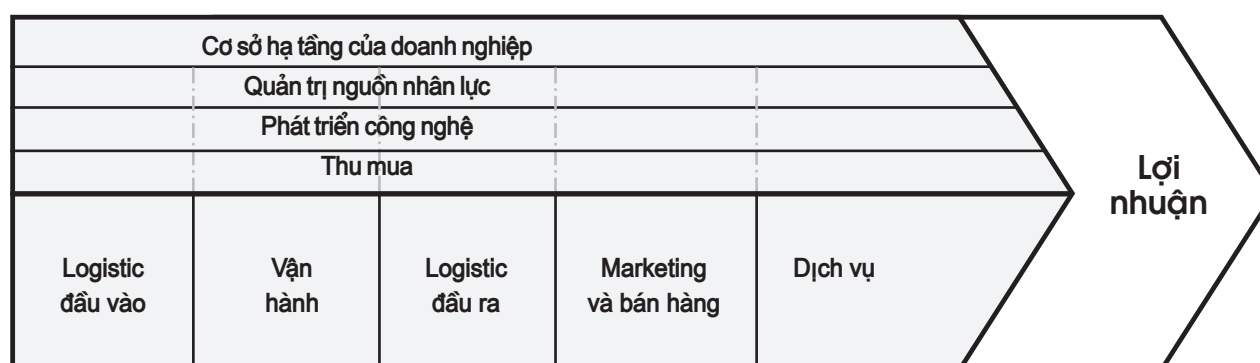
Theo Porter (1985), chuỗi giá trị là chuỗi tất cả các hoạt động từ khâu đầu tiên đến khâu cuối cùng trong doanh nghiệp mà chúng tạo ra giá trị cho sản phẩm hoặc dịch vụ.

### 2.2. Phân tích lợi nhuận trong chuỗi giá trị

Phân tích lợi nhuận trong chuỗi giá trị bao gồm việc tính chi phí đầu vào (hay chi phí trung gian), chi phí tăng thêm, giá trị gia tăng và giá trị gia tăng thuần (lợi nhuận).

*Chi phí trung gian:* theo UNIDO (2009), chi phí

Hình 1: Mô hình chuỗi giá trị



Nguồn: Porter (1985)

trung gian là những chi phí đầu vào của các tác nhân là giá bán ra của các tác nhân đứng trước. Chẳng hạn như chi phí đầu vào của thương lái là giá bán của nông dân. Tuy nhiên, trong các chuỗi sản phẩm nông nghiệp, nhà sản xuất ban đầu thường là nông dân hoặc trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất,... Vì vậy, cần phân biệt chi phí đầu vào và chi phí tăng thêm (chi phí gia tăng). Theo cách tiếp cận phương pháp chuỗi giá trị của GTZ, chi phí đầu vào của nông dân bao gồm các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sản xuất ra sản phẩm đó. Chẳng hạn như chi phí đầu vào của nông dân trồng lúa bao gồm chi phí giống và chi phí vật tư (phân bón, thuốc trừ sâu,...).

*Chi phí tăng thêm:* là chi phí phát sinh của mỗi tác nhân ngoài chi phí đầu vào như chi phí dự trữ, bảo quản; chi phí lưu thông cho việc mua đầu vào và bán đầu ra, chi phí điện, nước; chi phí lao động (lao động nhà và lao động thuê),...

*Tổng chi phí:* tổng chi phí của mỗi tác nhân sẽ bằng chi phí đầu vào cộng với chi phí tăng thêm.

*Giá trị gia tăng:* đây là một bộ phận cấu thành của tổng giá trị sản xuất, là giá trị tăng thêm của sản phẩm hàng hóa được sáng tạo và thực hiện trong quá trình sản xuất và tiêu thụ hàng hóa. Trong nghiên cứu về chuỗi giá trị, giá trị gia tăng là giá trị mà mỗi tác nhân trong chuỗi giá trị tạo ra. Giá trị gia tăng của mỗi tác nhân bằng giá bán trừ đi chi phí đầu vào tính trên 1 đơn vị trọng lượng (trên 1kg hay trên 1 tấn).

*Giá trị gia tăng thuần (lợi nhuận):* trong nghiên cứu về chuỗi giá trị, giá trị gia tăng thuần là giá trị mỗi tác nhân trong chuỗi thu được sau khi đã loại bỏ tất cả các chi phí liên quan trong quá trình sản xuất. Theo đó, giá trị gia tăng thuần bằng giá bán trừ đi tổng chi phí tính trên 1 đơn vị trọng lượng.

### **3. Phương pháp nghiên cứu và thu thập dữ liệu**

#### **3.1. Phương pháp nghiên cứu**

- Nghiên cứu sử dụng phương pháp tính toán tỷ lệ phân phối giá trị tăng thêm và tỷ suất lợi nhuận biên trong chuỗi giá trị được đề xuất bởi UNIDO (2009) để phân tích thực trạng phân phối

lợi nhuận giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị sản xuất gỗ rừng trồng tại Đắk Lắk. Phân tích dữ liệu bằng phần mềm Microsoft Excel. Những phương pháp tính toán và thống kê cơ bản được sử dụng trong nghiên cứu này. Chỉ tiêu phân tích: chi phí và lợi nhuận biên; tỷ lệ phân phối giá trị tăng thêm và tỷ suất lợi nhuận (lợi nhuận biên/tổng chi phí).

#### **3.2. Phương pháp thu thập số liệu**

Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua việc phỏng vấn trực tiếp các tác nhân tham gia chuỗi giá trị sản phẩm gỗ rừng trồng. Phỏng vấn bằng phiếu phỏng vấn cấu trúc, bao gồm: i) 12 cơ sở cung cấp đầu vào cho sản xuất rừng trồng như giống, vật tư; ii) Khâu trồng rừng: 50 tổ chức như: doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác; Chủ rừng nhỏ (Hộ gia đình) 450 hộ. iii) 30 doanh nghiệp, hợp tác xã người thu mua trung gian. Dữ liệu thứ cấp về diện tích, sản lượng trồng rừng được tác giả thu thập từ Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk.

#### **4. Phân phối lợi nhuận trong chuỗi giá trị gỗ rừng trồng tỉnh Đắk Lắk**

Kết quả khảo sát cho thấy trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 3 kênh sản xuất và tiêu thụ gỗ rừng trồng như sau:

Kênh 1: Cung ứng đầu vào → Sản xuất → Thu gom → Sơ chế → Chế biến và thương mại

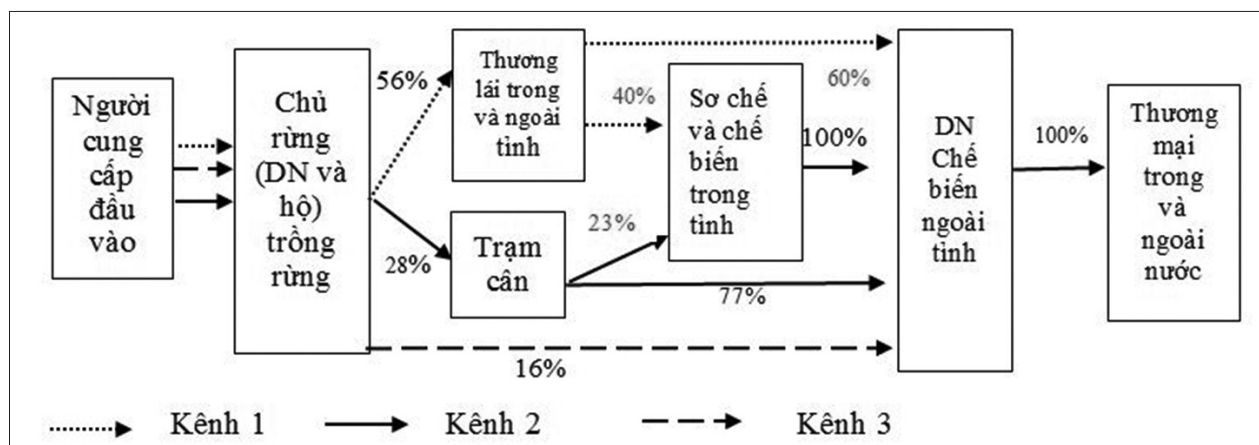
Kênh 2: Cung ứng đầu vào → Sản xuất → Trám cân → Sơ chế → Chế biến và thương mại

Kênh 3: Cung ứng đầu vào → Sản xuất → Chế biến và thương mại ngoài tỉnh

Có 56% sản lượng gỗ khai thác hiện nay được tiêu thụ theo kênh 1 là diện tích do các chủ rừng nhỏ (nông hộ) và hợp tác xã đảm nhiệm; 28% sản lượng khai thác được tiêu thụ theo kênh 2; 16% sản lượng được tiêu thụ theo kênh 3 là của một vài doanh nghiệp trồng rừng và một số chủ rừng lớn có khả năng tiếp cận thị trường, tiềm lực tài chính và quản lý trực tiếp khai thác, sơ chế và vận chuyển tiêu thụ trực tiếp cho các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu ngoài tỉnh. (Sơ đồ 1)

Theo kết quả nghiên cứu cho thấy diện tích rừng trồng hiện nay của tỉnh Đắk Lắk đang được

Sơ đồ 1: Chuỗi giá trị sản xuất gỗ rừng trồng tỉnh Đắk Lắk



Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đắk Lắk (2022)

Sơ đồ 2: Các tác nhân tham gia vào các khâu trong chuỗi giá trị

| TT |           | Đầu vào                                                       | Trồng rừng                                                                     | Thu gom                                                                                    | Sơ chế, chế biến                                       | Chế biến, xuất khẩu                                                         |
|----|-----------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Chủ thể   | - Hộ kinh doanh vật tư<br>- Hộ cung cấp giống                 | - Chủ rừng nhỏ (Hộ gia đình)<br>- Doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh             | - Điểm thu mua gỗ<br>- Trạm cân<br>- Thương lái thu mua trong và ngoài tỉnh.               | - Doanh nghiệp trong tỉnh<br>- HTX                     | - Doanh nghiệp ngoài tỉnh                                                   |
| 2  | Chức năng | - Cung cấp vật tư<br>- Cung cấp giống<br>- Cung cấp nhân công | - Dọn đất sau thu hoạch<br>- Trồng và chăm sóc rừng<br>- Khai thác, vận chuyển | - Khai thác<br>- Sơ chế (bóc vỏ, phân loại cây, cắt phân khúc)<br>- Vận chuyển- Mua và bán | - Băm dăm<br>- Nguyên liệu làm viên nén<br>- Phân loại | - Chế biến dăm gỗ, viên nén<br>- Xuất khẩu trực tiếp hoặc xuất khẩu ủy thác |

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đắk Lắk (2022)

khai thác chủ yếu là của các chủ rừng nhỏ (hộ nông dân), chỉ có một vài doanh nghiệp trong tỉnh hiện nay có diện tích rừng trồng đến kỳ khai thác, chủ yếu là rừng gỗ nhỏ tuổi cây 4 năm. Còn các doanh nghiệp ngoài tỉnh được giao đất trồng rừng là các doanh nghiệp chế biến gỗ theo xu hướng trồng rừng gỗ lớn, xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ cho chế biến của doanh nghiệp, các diện tích này chưa đến kỳ khai thác. (Sơ đồ 2)

**Đầu vào:** các hộ kinh doanh vật tư phân bón các loại; hộ kinh doanh giống cây trồng. Trên địa

bàn tỉnh Đắk Lắk mới chỉ có 1 hợp tác xã Lâm nghiệp Ea Trang đang sản xuất cây dâm hom, còn lại các nhà cung cấp giống khác đều mua giống từ các cơ sở bên ngoài tỉnh về bán lại cho tổ chức và cá nhân trồng rừng.

**Trồng rừng:** diện tích rừng trồng trên địa bàn tỉnh được quản lý bởi 8 chủ rừng với quy mô khác nhau. Trong đó, các chủ thể quản lý phần diện tích rừng trồng sản xuất lớn nhất là công ty tư nhân (36,73%), các tổ chức kinh tế và các công ty lâm nghiệp (25,76%), hộ gia đình và cá nhân

(14,96%). Đối với diện tích rừng trồng sản xuất thuộc UBND xã tạm thời quản lý là 8.807,3 ha chiếm 11,67% tổng diện tích rừng sản xuất.

Thu gom: hình thức thu gom gỗ rừng trồng ở Đắk Lắk chủ yếu vẫn do các thương lái trong và ngoài tỉnh đảm nhiệm. Họ là người trực tiếp thuê nhân công khai thác, có trang thiết bị xe vận

chuyển, máy móc thiết bị và làm giá với các chủ rừng về cách thức thu mua. Do địa hình trồng rừng là đồi núi rất dốc, chưa có quy hoạch đường giao thông khai thác, nên các chủ rừng nhỏ thường bán cây đứng cho thương lái tự tổ chức khai thác, bóc vỏ, vận chuyển đến nơi tiêu thụ. Tham gia vào khâu thu gom các nơi còn có các trạm cân (nhà thu

Bảng 1. Lợi nhuận của các tác nhân trong chuỗi theo các kênh

| Chỉ tiêu                       | Đầu vào | Trồng rừng | Thu gom, khai thác, vận chuyển | Sơ chế, chế biến trong tỉnh |
|--------------------------------|---------|------------|--------------------------------|-----------------------------|
| <b>Kênh 1 (56%)</b>            |         |            |                                |                             |
| Giá mua/bán (đ/tấn)            | 50.000  | 870.000    | 1.300.000                      | 1.600.000                   |
| Chi phí trung gian (đ/tấn)     | 31.500  | 210.000    | 1.090.000                      | 1.453.700                   |
| Giá trị gia tăng (đ/tấn)       | 18.500  | 660.000    | 210.000                        | 146.300                     |
| Chi phí tăng thêm (đ/tấn)      | 500     | 20000      | 10000                          | 16300                       |
| Giá trị gia tăng thuần (đ/tấn) | 18.000  | 640.000    | 200.000                        | 130.000                     |
| Lợi nhuận biên/Tổng chi phí    | 0,56    | 2,78       | 0,18                           | 0,09                        |
| <b>Kênh 2 (28%)</b>            |         |            |                                |                             |
| Giá mua/bán (đ/tấn)            | 50.000  | 1.150.000  | 1.400.000                      | 1.600.000                   |
| Chi phí trung gian (đ/tấn)     | 31.500  | 520.000    | 1.170.200                      | 1.453.700                   |
| Giá trị gia tăng (đ/tấn)       | 18.500  | 630.000    | 229.800                        | 146.300                     |
| Chi phí tăng thêm (đ/tấn)      | 500     | 30.000     | 19.800                         | 16.300                      |
| Giá trị gia tăng thuần (đ/tấn) | 18.000  | 600.000    | 210.000                        | 130.000                     |
| Lợi nhuận biên/Tổng chi phí    | 0,56    | 1,09       | 0,18                           | 0,09                        |
| <b>Kênh 3 (16%)</b>            |         |            |                                |                             |
| Giá mua/bán (đ/tấn)            | 50.000  | 1.300.000  |                                | 1.600.000                   |
| Chi phí trung gian (đ/tấn)     | 31.500  | 570000     |                                | 1.368.200                   |
| Giá trị gia tăng (đ/tấn)       | 18.500  | 730.000    |                                | 231.800                     |
| Chi phí tăng thêm (đ/tấn)      | 500     | 30.000     |                                | 11.800                      |
| Giá trị gia tăng thuần (đ/tấn) | 18.000  | 700.000    |                                | 220.000                     |
| Lợi nhuận biên/Tổng chi phí    | 0,56    | 1,17       |                                | 0,16                        |

Ghi chú: những chỉ tiêu trên được tính trên 1 tấn gỗ tươi đã bóc vỏ

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra

gom) không tham gia vào khâu khai thác, họ có kho bãi ngay bên đường giao thông thu gom lại sản phẩm gỗ rừng trồng từ các thương lái địa phương và vận chuyển đi bán cho các doanh nghiệp trong (23%) và ngoài (77%) tỉnh sơ chế, chế biến.

*Sơ chế, chế biến:* khâu này do các tổ chức như doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã trong tỉnh đảm nhiệm khâu sơ chế (bóc vỏ, phân loại cây, cắt phân khúc). Có một vài doanh nghiệp có tiến hành băm dăm với trang thiết bị lạc hậu hiệu quả không cao. Sau đó, các sản phẩm gỗ rừng trồng được vận chuyển đến các doanh nghiệp ngoài tỉnh chế biến băm dăm và sản xuất viên nén, xuất khẩu hoặc xuất khẩu ủy thác.

Qua kết quả phân tích Bảng 1 cho thấy với cả 3 kênh người cung cấp giống và vật tư có lợi nhuận biên/tổng chi phí là 0,56 lần rất thấp. Người trồng rừng ở kênh 1 (bán cây đứng) có lợi nhuận biên/tổng chi phí là 2,78, trong khi đó kênh 2 dù giá bán gỗ cao hơn nhưng chi phí trung gian cao hơn (vì họ tự khai thác, bóc vỏ). Khâu thu gom có lợi nhuận biên/tổng chi phí (tính cho 1 tấn gỗ tươi) là rất thấp chỉ bằng 0,18, tuy nhiên 1 đợt thu gom khai thác với sản lượng lớn. Khâu sơ chế, chế biến có lợi

nhuận biên/tổng chi phí đối với các đơn vị trong tỉnh trực tiếp chế biến chỉ bằng 0,09; còn các doanh nghiệp sơ chế và xuất bán cho doanh nghiệp ngoài tỉnh có lợi nhuận biên/tổng chi phí là 0,16.

### **5. Khuyến nghị đối với các tác nhân trong chuỗi giá trị gỗ rừng trồng**

Từ kết quả nghiên cứu ở trên bài viết đề xuất một số khuyến nghị với các tác nhân trong chuỗi giá trị gỗ rừng trồng tỉnh Đắk Lắk, để đảm bảo hài hòa lợi ích, cần có sự hợp tác giữa các tác nhân trong chuỗi với sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước. Thiết lập mối quan hệ hợp tác giữa các bên liên quan, vận hành theo cơ chế hợp đồng chia sẻ thông tin và lợi ích, cam kết ràng buộc trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên và các bên đều phải nghiêm túc thực hiện bảo vệ chữ tín.

Hơn thế nữa, cần có các chính sách hỗ trợ các chủ rừng sản xuất nâng cao chất lượng gỗ rừng trồng thông qua các chính sách tín dụng, dịch vụ cây giống có chất lượng, chứng chỉ rừng và thu hút các doanh nghiệp chế biến có tiềm lực kinh tế liên kết với các chủ rừng nhỏ và siêu nhỏ trong tỉnh để xây dựng vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng, tiếp cận với thị trường cacbon để tăng thêm thu nhập cho người trồng rừng ■

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk (2022). Niên giám Thống kê tỉnh Đắk Lắk năm 2022.
2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đắk Lắk (2022). Báo cáo tổng kết năm 2022.
3. Porter M.E. (2016). Lợi thế cạnh tranh. NXB Trẻ, Hà Nội.
4. Kaplinsky R. and Morris M. (2001). A Handbook for Value Chain Research, International Development Research Center, Ottawa, Canada.
5. UNIDO (2009). Agro-value chain analysis and development - The UNIDO Approach, A staff working paper, United Nations Industrial Development Organization (UNIDO), Vietnam.

**Ngày nhận bài: 10/8/2023**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/8/2023**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 20/9/2023**

*Thông tin tác giả:*

**1. PHẠM VĂN TRƯỜNG<sup>1</sup>**

**2. TUYẾT HOA NIÊ KDAM<sup>2</sup>**

**3. NGUYỄN TRUNG VƯƠNG<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>Trường Đại học Tây Nguyên

<sup>2</sup>Trung tâm Phát triển nông thôn Tây Nguyên

**ANALYZING THE PROFIT OF STAKEHOLDERS  
IN THE PLANTATION WOOD VALUE CHAIN  
IN DAK LAK PROVINCE**

● **PHAM VAN TRUONG<sup>1</sup>**

● **TUYET HOA NIE KDAM<sup>2</sup>**

● **NGUYEN TRUNG VUONG<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>Tay Nguyen University

<sup>2</sup>Central Highlands Rural Development Center

**ABSTRACT:**

This study analyzes the profits of stakeholders in the plantation wood value chain in Dak Lak province. The analysis of the added value and net added value of these stakeholders shows that the profit for each stakeholder in the plantation wood value chain is unfair. Comparative data was based on the profit per ton of fresh peeled wood. The profit margin to total cost of plantation growers is higher than that of other stakeholders; however, they only recover their costs after 4 years of plantation. Due to the specific terrain characteristics with high slopes, transportation and exploitation have not been planned, so it is necessary to have an intermediary stage to collect, exploit, preliminary process, and transport. Based on these findings, the study made some recommendations for stakeholders directly participating in the value chain and those supporting the chain in order to sustainably develop Dak Lak province's plantation wood value chain.

**Keywords:** plantation wood value chain, intermediate costs, profit margin/total cost, Dak Lak province.